TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 5837/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Thủ Đức, ngày 31 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 2370/2024/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Bà Nguyễn Thu N, sinh năm 1986

Thường trú: Đường T, Khu phố M, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Đường T, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Lê Văn N, sinh năm 1987

Thường trú: Đường T, Khu phố M, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2024, người yêu cầu đã tự nguyện thỏa thuận như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thu N và ông Lê Văn N thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 84, đăng ký ngày 26/7/2010 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thu N và ông Lê Văn N có 01 con chung tên Lê Nguyễn Xuân N, sinh ngày 29/9/2011.

Bà Nguyễn Thu N và ông Lê Văn N thỏa thuận: Ông Lê Văn N trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn N không yêu cầu bà Nguyễn Thu N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thu N và ông Lê Văn N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thu N và ông Lê Văn N xác định không có.

- Về lệ phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thu N và ông Lê Văn N phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[3] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thu N và ông Lê Văn N thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: Bà Nguyễn Thu N và ông Lê Văn N có 01 con chung tên Lê Nguyễn Xuân N, sinh ngày 29/9/2011.

Bà Nguyễn Thu N và ông Lê Văn N thỏa thuận: Ông Lê Văn N trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn N không yêu cầu bà Nguyễn Thu N cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3 Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thu N và ông Lê Văn N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Bà Nguyễn Thu N và ông Lê Văn N xác định không có.

1.5 Về lệ phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thu N và ông Lê Văn N phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0044511 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thu N và ông Lê Văn N đã nộp đủ lệ phí.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Người yêu cầu;
- CQ thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phương Châu